TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 246/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 256/2024/TLST-HNGĐ ngày 14-10-2024 về việc *"yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Bàn Trùng T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Kh, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Triệu Huyền Tr, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Kh, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Trùng T và chị Triệu Huyền Tr tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H1 (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11-6-2014, nên hôn nhân của anh T và chị Tr là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh T và chị Tr chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh T và chị Tr vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân về mặt tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T và chị Tr đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc anh T và chị Tr thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị Tr có 02 *(hai)* con chung là Bàn Tuấn Kh, sinh ngày 11-11-2016 và Bàn Trâm A, sinh ngày 25-10-2020. Hiện nay 02 *(hai)*

con chung có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh T và chị Tr thỏa thuận giao con chung là Bàn Tuấn Kh cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung là Bàn Trâm A cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh T và chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T và chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh T và chị Tr là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Tr thỏa thuận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh T và chị Tr là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị Tr thỏa thuận chị Tr có nghĩa vụ nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 22-10-2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Trùng T và chị Triệu Huyền Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Tr có 02 *(hai)* con chung là Bàn Tuấn Kh, sinh ngày 11-11-2016 và Bàn Trâm A, sinh ngày 25-10-2020. Hiện nay 02 *(hai)* con chung có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh T và chị Tr thỏa thuận giao con chung là Bàn Tuấn Kh cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung là Bàn Trâm A cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh T và chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T và chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T và chị Tr thỏa thuận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh T và chị Tr thỏa thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị Tr thỏa thuận chị Tr có nghĩa vụ nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*. Nhưng

được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị Tr đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001217 ngày 14-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Tr đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND xã Đ, TP. H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga